

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023
của trường THPT Lê Hồng Phong

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 của Trường THPT Lê Hồng Phong (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên trang website của Trường THPT Lê Hồng Phong

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, kế toán, cá nhân có liên quan nhà trường căn cứ Quyết định này ./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cổng TTĐT trường;
- Lưu: KT, VP.

HIỆU TRƯỞNG



ĐINH HỒNG TIỆP

Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong

Mã quan hệ ngân sách: 1018915

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-THPTLHP ngày 26 /03 /2024 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Hồng Phong)



Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A.	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	16.381		
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.381		
1	Kinh phí chi thường xuyên	9.375		
1.1	Kinh phí giao tự chủ	9.375		
	Trong đó			
a	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp đóng theo lương	7.999		
b	Chi thanh toán khác cho cá nhân,..	335		
c	Chi dịch vụ , tuyên truyền liên lạc, công tác phí, vật tư văn phòng,..	418		
d	Chi mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng tài sản thường xuyên	62		
e	Chi hoạt động chuyên môn	79		
f	Chi thường xuyên khác (phụ cấp Đảng uỷ, thuê lao động, thuê thiết bị ,...)	482		
2	Kinh phí cải cách tiền lương	3.962		
	Trong đó			
a	Chi thu nhập tăng thêm	3.065		
b	Chi tăng lương cơ sở từ 1,49trđ lên 1,8trđ	897		
2	Kinh phí chi không thường xuyên	3.044		
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.044		
	Trong đó			
a	Chi hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí, các khoản hỗ trợ khác	1.658		
b	Chi mua sắm, sửa chữa, duy tu tài sản không thường xuyên	1.386		